

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 02-4-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Bà Lê Thị Linh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An ngày 07/12/2011. Sau đó, vợ chồng sinh sống tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã sống ly thân gần một năm. Bà T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Trong quá trình chung sống bà T và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc N1 (nữ) sinh ngày 02/5/2011 và Nguyễn Hải K (nam), sinh ngày 29/7/2014, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay hai con chung đang sống cùng bà T. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc N không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông N, yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng là có nhưng bà không tranh chấp. Về nợ chung không có.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng hiện tại như bà T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi và đã sống ly thân, khó có khả năng hàn gắn. Hiện tại bà T và 02 con sống chung gia đình ba mẹ bà T. Về điều kiện nuôi con, bà T có nghề nghiệp buôn bán, có thu nhập đủ khả năng nuôi con, ngoài ra cha mẹ bà T cũng hỗ trợ thêm. Ông N cũng có công việc và thu nhập, nghề nghiệp là buôn bán.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 07/12/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà T đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà T và ông N hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà T vẫn cương quyết ly hôn. ông N không đến trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Ngoài ra, bà T và ông N đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, nên căn cứ Điều 19, 51, 56 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim T.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét thấy 02 con chung đang sống với bà T và đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đề nghị giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã V, huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 07/12/2011 nên là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng giữa bà và ông N mặc dù kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, bà T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cùng 02 con và vợ chồng cũng ly thân khá lâu. Cả hai không còn tình cảm và mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nên khả năng hàn gắn không còn. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng sau khi thụ lý vụ án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà T cương quyết ly hôn còn ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc kết quả giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định

tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn, 02 con chung hiện đang sống cùng bà T. Ông N cũng không có tranh chấp về việc nuôi con. Nhận thấy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của 02 con chung, phù hợp nguyện vọng con chung trên 07 tuổi, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà T có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc N.

1.2. Về con chung:

Giao hai con chung Nguyễn Hoàng Phúc N1 (nữ) sinh ngày 02/5/2011 và Nguyễn Hải K (nam), sinh ngày 29/7/2014 cho bà Lê Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà T).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002166 ngày 21/11/2024 sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh